

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03-5-2019

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn Đ; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Bà Trương Thị N; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lương Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị N kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A vào năm 1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ ông Lương Văn Đ ở thôn H, xã H, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà trái lại ngày càng

căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên năm 2017, vợ chồng sống ly thân với nhau, không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay ông Lương Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông Đăng được ly hôn với bà Trương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lương Văn G – sinh năm 1993 và Lương Thị Thu D – sinh năm 1999. Các con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Ông Lương Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng như ông Lương Văn Đ đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay ông Lương Văn Đ xin ly hôn, bà Trương Thị N xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không đồng ý ly hôn; đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông Lương Văn Đ trình bày là đúng; các con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn, bà Trương Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Lương Văn Đ được ly hôn với bà Trương Thị N; về con chung, các con chung Lương Văn G – sinh năm 1993 và Lương Thị Thu D – sinh năm 1999 đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Lương Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị N kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 23 tháng 8 năm 1993.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Đ, xử cho ông Lương Văn Đ được ly hôn với bà Trương Thị N. Bà Trương Thị N có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị N.

[2] Về con chung: Ông Lương Văn Đ và bà Trương Thị N có hai con chung Lương Văn G – sinh năm 1993 và Lương Thị Thu D – sinh năm 1999; các con chung đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lương Văn Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lương Văn Đ được ly hôn với bà Trương Thị N.
2. Về con chung: Các con chung Lương Văn G – sinh năm 1993 và Lương Thị Thu D – sinh năm 1999 đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống.
3. Về án phí: Ông Lương Văn Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Ông Lương Văn Đ đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0015452 ngày 05 tháng 12 năm 2018) nên không phải nộp tiếp.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch